

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

A300
CÔNG
CỔ P
NH
THUC
DẦU
ON T.

U
RA
2

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hợp	Chủ tịch
Ông Trần Đoàn Thịnh	Thành viên
Bà Lê Thị Xí	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đoàn Thịnh	Giám đốc
---------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Số: 728 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 từ trang 03 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính



Trần Huy Công

Giám đốc Kiểm toán

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		125.901.665.126	148.406.125.397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	22.602.424.024	48.974.473.085
1. Tiền	111		7.602.424.024	19.474.473.085
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	29.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.430.042.596	67.015.738.577
1. Phải thu khách hàng	131	8	69.707.080.388	62.482.195.915
2. Trả trước cho người bán	132		1.417.934.250	606.368.800
3. Các khoản phải thu khác	135	9	1.355.963.278	3.950.402.624
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(50.935.320)	(23.228.762)
IV. Hàng tồn kho	140	10	23.747.134.919	27.306.267.899
1. Hàng tồn kho	141		24.263.853.795	27.306.267.899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(516.718.876)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.122.063.587	3.109.645.836
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.331.255.065	956.312.184
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.457.510.277	1.843.529.940
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	15.281.258	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		318.016.987	309.803.712
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		142.667.061.347	132.925.166.643
I. Tài sản cố định	220		137.260.103.637	125.195.139.594
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	114.677.806.885	125.018.102.958
- Nguyên giá	222		133.368.471.454	130.933.480.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.690.664.569)	(5.915.377.496)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		93.106.000	93.106.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.106.000)	(93.106.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	22.582.296.752	177.036.636
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.406.957.710	7.730.027.049
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.406.957.710	7.730.027.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		268.568.726.473	281.331.292.040

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
				(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		81.300.084.874	95.477.608.704
I. Nợ ngắn hạn	310		81.300.084.874	95.477.608.704
1. Phải trả người bán	312	15	79.073.031.017	86.164.258.499
2. Người mua trả tiền trước	313		543.386.431	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	860.389.183	3.324.625.182
4. Phải trả người lao động	315		-	2.381.791.150
5. Chi phí phải trả	316		-	1.103.706.927
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	537.416.113	2.761.218.541
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		285.862.130	(257.991.595)
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		187.268.641.599	185.853.683.336
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	187.268.641.599	185.853.683.336
1. Vốn điều lệ	411		175.222.845.365	175.222.845.365
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.931.055.044	2.931.055.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.986.578.533	7.571.620.270
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		268.568.726.473	281.331.292.040

[Handwritten signature]

Hà Thị Hoa
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

[Handwritten signature]

Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	682.677.634.552	1.440.294.761.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	888.600	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	682.676.745.952	1.440.294.761.780
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	657.235.783.906	1.426.058.310.831
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.440.962.046	14.236.450.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.174.545.760	1.507.885.263
7. Chi phí tài chính	22		101.141.779	125.085.313
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		78.632.598	66.493.449
8. Chi phí bán hàng	24		2.821.489.766	2.176.214.808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.316.328.035	8.904.888.041
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		13.376.548.226	4.538.148.050
11. Thu nhập khác	31		596.844.401	6.714.092.362
12. Chi phí khác	32		797.719.087	731
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	(200.874.686)	6.714.091.631
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.175.673.540	11.252.239.681
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	3.188.722.315	3.546.799.337
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		9.986.951.225	7.705.440.344
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	570	1.026



Hà Thị Hoa
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍKhu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2014	2013 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.175.673.540	11.252.239.681
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.775.287.073	3.451.890.075
- Các khoản dự phòng	03	544.425.434	23.228.762
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.153.798.711)	(1.507.800.311)
- Chi phí lãi vay	06	78.632.598	66.493.449
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.420.219.934	13.286.051.656
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(6.318.346.886)	16.070.925.317
- Thay đổi hàng tồn kho	10	3.042.414.104	(17.858.004.480)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(18.785.044.303)	13.859.959.617
- Thay đổi chi phí trả trước và các tài sản khác	12	310.651.588	575.239.054
- Tiền lãi vay đã trả	13	(78.632.598)	(66.493.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.952.896.027)	(1.302.717.691)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.336.563.002)	(604.591.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.698.197.190)	23.960.368.429
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(18.865.052.956)	(7.907.919.417)
2. Tiền chi cho vay	23	-	(2.000.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	1.228.398.710	1.420.375.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.636.654.246)	(8.487.544.106)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.171.822.500	18.168.791.978
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25.171.822.500)	(18.168.791.978)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.037.197.625)	(2.711.717.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.037.197.625)	(2.711.717.449)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(26.372.049.061)	12.761.106.874
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.974.473.085	36.213.366.211
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	22.602.424.024	48.974.473.085


 Hà Thị Hoa
 Người lập biểu


 Huỳnh Việt Cường
 Kế toán trưởng


 Trần Đoàn Thịnh
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn
Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí - (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 22 tháng 2 năm 2014 với vốn điều lệ là 175.222.840.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 320 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 310).

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn nắm giữ 96.53% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- In ấn trên các sản phẩm bao bì;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Điều hành tour du lịch;
- Bán buôn gạo, đồ uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác: Mua, bán bã sắn; Mua, bán tro bay; Mua, bán xỉ tan;
- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu sáng công cộng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cung cấp quản lý các dịch vụ nhà ở cao tầng: giữ gìn vệ sinh, trật tự, dịch vụ điện, nước, trông giữ xe đạp, xe máy;
- Vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa duy tu cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác các dịch vụ kỹ thuật;
- Dịch vụ vệ sinh môi trường: thu gom và vận chuyển rác thải, chất thải rắn;
- Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;
- Quản lý chăm sóc vườn hoa thảm cỏ, công viên cây xanh, cây xanh đường phố;
- Quản lý khai thác dịch vụ thể thao: Tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí;
- Khai thác dịch vụ sân bãi đỗ xe tại các đô thị;
- Đại lý xăng dầu;
- Khai thác và quản lý các dịch vụ văn phòng: cung cấp các dịch vụ bảo vệ trong các dự án đầu tư nhà ở và khu đô thị;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- Mua bán hạt nhựa;
- Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Tổ chức sự kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng đối với hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 18
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

4300
CÔNG
CỔ
N
À THU
DẦU
SƠN
TY
HỮU
HỮU
NAI
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm 2014, Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn đã thực hiện quyết toán quỹ lương năm 2013 của Công ty, theo đó chi phí tiền lương năm 2013 đã ghi nhận cao hơn quỹ lương được phê duyệt với số tiền là 427.593.600 đồng. Phần chênh lệch cao hơn này đã được Công ty thực hiện điều chỉnh cho số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

	31/12/2013 Số đã báo cáo VND	31/12/2013 Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>			
Nợ phải trả			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.217.726.782	3.324.625.182	(106.898.400)
Phải trả người lao động	2.809.384.750	2.381.791.150	427.593.600
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.250.925.070	7.571.620.270	(320.695.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (Tiếp theo)**

	2013 Số đã báo cáo VND	2013 Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>			
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.426.485.904.431	1.426.058.310.831	427.593.600
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.824.646.081	11.252.239.681	(427.593.600)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.439.900.937	3.546.799.337	(106.898.400)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.384.745.144	7.705.440.344	(320.695.200)
<u>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</u>			
Lợi nhuận trước thuế	10.824.646.081	11.252.239.681	(427.593.600)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	14.287.553.217	13.859.959.617	427.593.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	23.960.368.429	23.960.368.429	-

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	339.507.512	382.886.171
Tiền gửi ngân hàng	7.262.916.512	19.091.586.914
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	29.500.000.000
	22.602.424.024	48.974.473.085

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Đầu tư ngắn hạn tại 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản tiền gửi này áp dụng lãi suất 7,5%/năm và đáo hạn vào ngày 21 tháng 01 năm 2015

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần nhựa OPEC	64.350.694.370	38.474.106.495
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	10.019.295.209
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu Khí	-	7.292.134.065
Công ty TNHH MTV Huy Gia Minh	564.806.880	3.602.075.180
Công ty TNHH Giác Thành	544.961.932	677.018.108
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	166.489.400	210.337.600
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	-	60.000.000
Các đối tượng khác	4.080.127.806	2.147.229.258
	69.707.080.388	62.482.195.915

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	163.997.223	238.597.222
Phải thu Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	1.708.077.661
Các khoản phải thu khác	1.191.966.055	2.003.727.741
	1.355.963.278	3.950.402.624

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.301.895.728	11.504.785.220
Công cụ, dụng cụ	1.047.268.705	621.379.062
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.238.902.965	2.344.786.905
Thành phẩm	8.499.632.625	12.378.978.072
Hàng hóa	176.153.772	456.338.640
Cộng	24.263.853.795	27.306.267.899
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(516.718.876)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	23.747.134.919	27.306.267.899

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.822.898.157	365.495.438
Chi phí mua bảo hiểm	115.502.196	158.917.339
Chi phí thuê văn phòng Hà Nội	-	224.616.365
Phí sử dụng nhãn hiệu tập đoàn	63.143.771	-
Khác	329.710.941	207.283.042
	3.331.255.065	956.312.184

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	57.669.544.306	65.190.713.345	8.073.222.803	130.933.480.454
Mua sắm trong năm	-	1.007.567.364	1.081.461.818	2.089.029.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	345.961.818	-	-	345.961.818
Tại ngày 31/12/2014	58.015.506.124	66.198.280.709	9.154.684.621	133.368.471.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.551.951.784	3.203.362.889	1.160.062.823	5.915.377.496
Khấu hao trong năm	4.724.935.456	7.027.988.760	1.022.362.857	12.775.287.073
Tại ngày 31/12/2014	6.276.887.240	10.231.351.649	2.182.425.680	18.690.664.569
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	51.738.618.884	55.966.929.060	6.972.258.941	114.677.806.885
Tại ngày 31/12/2013	56.117.592.522	61.987.350.456	6.913.159.980	125.018.102.958

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.479.709.171 đồng (tại ngày 13 tháng 12 năm 2013 là: 884.745.636 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Giá trị chuyển nhượng nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc Khu đô thị Vạn Tường, huyện Bình Sơn	20.765.133.707	-
Dự án IIIA1, khu dân cư đô thị Vạn Tường, huyện Bình Sơn	177.036.636	177.036.636
Dự án 4,93 Ha - Khu hạt nhựa và khu nhà ở thuộc khu 28ha, thành phố Vạn Tường	18.428.571	-
Khác	1.621.697.838	-
	22.582.296.752	177.036.636

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.626.256.716	1.540.992.971
Chi phí đầu tư, cải tạo trường mầm non khu Vạn Tường	155.445.858	341.980.914
Chi phí mở rộng nhà hàng	281.347.239	479.945.295
Chi phí cải tạo tường rào khu Vạn Tường	329.182.495	561.546.610
Chi phí cải tạo hồ bơi khu Vạn Tường	994.687.830	1.492.031.754
Chi phí mở rộng nhà chờ khu du lịch	352.288.475	392.937.143
Chi phí nâng cấp khu 28ha	670.305.679	1.072.489.087
Chi phí sơn nước mặt ngoài khu nhà ở O&M	456.596.166	826.143.039
Khác	540.847.252	1.021.960.236
	5.406.957.710	7.730.027.049

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	66.689.696.059	79.934.264.941
Công ty TNHH Thương mại Thiên Long	345.708.699	627.757.444
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	108.180.000	129.351.280
Công ty TNHH MTV Huy Gia Minh	345.000.000	-
Nhà Khách Cẩm Thành	345.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đạt Thành Phát	207.957.200	113.430.000
Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	5.558.357.000	-
Công ty TNHH Hà Bắc	1.794.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	1.937.500.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Lý Bảo Minh - Chi nhánh Đà Nẵng	220.601.000	-
Các đối tượng khác	1.521.031.059	3.059.454.834
	79.073.031.017	86.164.258.499

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	(Trình bày lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	-	689.097.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp	860.389.183	2.624.562.895
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.964.916
	860.389.183	3.324.625.182

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước:

Chỉ tiêu	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	(Trình bày lại) VND			
Thuế giá trị gia tăng hàng trong nước	689.097.371	3.261.749.796	3.950.847.167	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.624.562.895	3.188.722.315	4.952.896.027	860.389.183
Thuế thu nhập cá nhân	10.964.916	65.359.197	91.605.371	(15.281.258)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	103.791.158	103.791.158	-
Cộng	3.324.625.182	6.622.622.466	9.102.139.723	845.107.925

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố, chi phí lương của Công ty năm 2013 bị điều chỉnh giảm với số tiền là 427.593.600 đồng, theo đó, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được điều chỉnh tăng lên với số tiền 106.898.400 đồng.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bao Bì Dung Quất	-	2.544.624.158
Các đối tượng khác	537.416.113	216.594.383
	537.416.113	2.761.218.541

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	55.000.000.000	2.842.446.640	128.162.657	1.638.348.027	59.608.957.324
Nhận góp vốn	120.222.845.365	-	-	-	120.222.845.365
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.705.440.344	7.705.440.344
Phân phối lợi nhuận	-	150.650.969	-	(150.650.969)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(150.650.969)	(150.650.969)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.711.717.449)	(2.711.717.449)
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2012	-	(62.042.565)	-	1.240.851.286	1.178.808.721
Tại ngày 01/01/2014	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	7.571.620.270	185.853.683.336
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.986.951.225	9.986.951.225
Tăng khác	-	-	-	150.479.167	150.479.167
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(1.880.416.727)	(1.880.416.727)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(6.825.396.310)	(6.825.396.310)
Giảm khác	-	-	-	(16.659.092)	(16.659.092)
Tại ngày 31/12/2014	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	8.986.578.533	187.268.641.599

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 05/NQ-PVBLD ngày 08 tháng 5 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 với số tiền lần lượt là 770.544.034 đồng và 109.500.000 đồng. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 với số tiền là 1.000.372.693 đồng.

Bên cạnh đó, Đại hội đồng cổ đông Công ty cũng quyết định chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty với số tiền là 6.825.396.310 đồng.

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 17 ngày 22 tháng 2 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty đã được góp như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	169.142.845.365	96,53	169.142.845.365	96,53
Nhà khách Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Cán bộ công nhân viên Công ty	580.000.000	0,33	580.000.000	0,33
	175.222.845.365	100	175.222.845.365	100

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hạt nhựa	437.607.435.784	1.339.575.121.667
Doanh thu bán Pallet	32.740.100.455	36.912.909.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý nhà	11.019.933.926	9.762.638.697
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	12.624.082.796	8.341.124.551
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhà hàng	7.117.305.200	6.335.678.695
Doanh thu kinh doanh sản phẩm của Nhà máy Bao bì	86.340.039.414	20.780.118.931
Doanh thu cung cấp sản lát	74.501.531.750	-
Doanh thu dịch vụ khác	20.726.316.627	18.587.170.146
	682.676.745.952	1.440.294.761.780

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn bán hạt nhựa	435.381.843.461	1.332.924.498.705
Giá vốn bán Pallet	31.990.908.483	36.253.590.910
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý nhà	8.282.638.324	7.769.769.450
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà	8.704.807.995	5.336.929.270
Giá vốn cung cấp dịch vụ nhà hàng	7.572.253.895	8.405.428.808
Giá vốn sản phẩm Nhà máy Bao bì	75.402.253.990	18.858.935.224
Giá vốn cung cấp sản lát	73.184.555.500	-
Giá vốn dịch vụ khác	16.716.522.258	16.509.158.464
	657.235.783.906	1.426.058.310.831

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.153.798.711	1.507.800.311
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.747.049	84.952
	1.174.545.760	1.507.885.263

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.391.767.021	15.182.093.833
Chi phí nhân công	22.306.139.407	17.705.133.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.775.287.073	3.451.890.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.864.606.729	19.850.306.547
Chi phí bằng tiền khác	2.040.183.371	3.355.541.103
	126.377.983.601	59.544.964.658

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu nhập từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm bao bì	-	6.700.222.421
Thu nhập từ thanh lý trang thiết bị quản lý	512.800.000	-
Thu nhập khác	84.044.401	13.869.941
	596.844.401	6.714.092.362
Chi phí thanh lý trang thiết bị quản lý	351.092.027	-
Chi phí nộp phạt vi phạm hành chính về thuế	224.835.811	-
Chi phí khác	221.791.249	731
	797.719.087	731
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(200.874.686)	6.714.091.631

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	13.175.673.540	11.252.239.681
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>51.320.880</i>	<i>19.439.063</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.369.839.679</i>	<i>2.954.396.729</i>
Thu nhập chịu thuế	14.494.192.339	14.187.197.347
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.188.722.315	3.546.799.337
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.188.722.315	3.546.799.337

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	9.986.951.225	7.705.440.344
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.522.284	7.509.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	570	1.026

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 14 tháng 8 năm 2013, Công ty đã ký Hợp đồng số 142/HĐTVP với Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội về việc thuê văn phòng đại diện tại Hà Nội với giá thuê là 336.924.545 đồng/năm (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng), thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.602.424.024	48.974.473.085
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.827.697.121	66.363.368.238
Tổng cộng	95.430.121.145	117.337.841.323
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	79.523.614.983	88.925.477.040
Chi phí phải trả	-	1.103.706.927
Tổng cộng	79.523.614.983	90.029.183.967

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm: rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.602.424.024	-	22.602.424.024
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.827.697.121	-	70.827.697.121
Tổng cộng	95.430.121.145	-	95.430.121.145
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	79.523.614.983	-	79.523.614.983
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	79.523.614.983	-	79.523.614.983
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.906.506.162	-	15.906.506.162
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.974.473.085	-	48.974.473.085
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.363.368.238	-	66.363.368.238
Tổng cộng	117.337.841.323	-	117.337.841.323
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	88.925.477.040	-	88.925.477.040
Chi phí phải trả	1.103.706.927	-	1.103.706.927
Tổng cộng	90.029.183.967	-	90.029.183.967
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.308.657.356	-	27.308.657.356

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Cùng chủ sở hữu
Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Nhà khách Cẩm Thành	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	15.002.670.583	45.723.712.634
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	121.259.688.939	67.383.544.259
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	76.345.367.750	2.177.813.454
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	13.636.364	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	742.895.880	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	65.454.540	-
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	271.059.995	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	691.575.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	455.268.559.168	1.335.670.015.045
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	6.850.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thương mại Sông Trà	1.748.465.822	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	1.335.195.522	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	108.246.461	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	679.200.000	819.330.000

Số dư với các bên liên quan chủ yếu tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	7.292.134.065
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	166.489.400	210.337.600
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	10.019.295.209
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	230.589.700	-
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	231.000.000	-
Khách hàng trả tiền trước		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	543.386.431	-
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	66.689.696.059	79.934.264.941
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	108.180.000	129.351.280
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	130.589.700	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Khu Đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn

Tỉnh Quảng Ngãi, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan chủ yếu tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Phải thu khác	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400	346.024.560
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	1.708.077.661
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	335.029.846	335.029.846
Nhà khách Cẩm Thành	-	111.676.616
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	15.824.640	-

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán. Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước đã được điều chỉnh theo kết quả quyết toán quỹ lương năm 2013 của Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, chi tiết các khoản mục điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.



Hà Thị Hoa
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng



Trần Đoàn Thịnh
Giám đốc

